

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÁY STV
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÁY STV

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: STV MACHINE TECHNOLOGY COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: STV MT CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 2400908061

3. Ngày thành lập: 29/03/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số Nhà 69, đường Nguyễn Huy Bình , Phường Xương Giang, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0977984252

Fax:

Email: kinhdoanhstv.vn@gmail.com

Website: congnghemaystv.vn

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592(Chính)
2.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
3.	Đúc sắt, thép	2431
4.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
5.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
6.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
7.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
8.	Sản xuất giày, dép	1520
9.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
10.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
11.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
12.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
13.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
14.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
15.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
16.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
17.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
18.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
19.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
20.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
21.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630

22.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
23.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
24.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
25.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
26.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
27.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
28.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
29.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
30.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
31.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
32.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
33.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
34.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
35.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
36.	Xây dựng nhà để ở	4101
37.	Xây dựng nhà không để ở	4102
38.	Xây dựng công trình điện	4221
39.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
40.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
41.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
42.	Xây dựng công trình thủy	4291
43.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
44.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
45.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
46.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
47.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
48.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
49.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
50.	Phá dỡ	4311
51.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
52.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
53.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
54.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
55.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
56.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
57.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
58.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653

59.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
60.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
61.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
62.	Bán buôn thực phẩm	4632
63.	Bán buôn đồ uống	4633
64.	Bán buôn tổng hợp	4690
65.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
66.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
67.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
68.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
69.	Cho thuê xe có động cơ	7710
70.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
71.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
72.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
73.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
74.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
75.	Bốc xếp hàng hóa	5224
76.	Quảng cáo	7310
77.	In ấn	1811
78.	Lập trình máy vi tính	6201
79.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
80.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (trừ đấu giá)	6820

6. Vốn điều lệ: 2.200.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN VĂN PHỤNG	Thôn Dĩnh Cầu, Xã Tân Dĩnh, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	700.000.000	31,818	121586591	
2	HÀ VĂN TRỌNG	Số nhà 69, đường Nguyễn Huy Bính, Phường Xương Giang, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	500.000.000	22,727	121671820	
3	TẠ NGỌC CHÍNH	Thôn Long Sơn, Xã Trí Yên, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	500.000.000	22,727	121658067	
4	NGUYỄN NGỌC TÙNG	Số nhà 10 ngách 24 , hẻm 18, đường Nguyễn Duy Năng, Phường Thọ Xương, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	500.000.000	22,727	121930362	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN VĂN PHỤNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 14/10/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 121586591

Ngày cấp: 21/12/2012

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Giang

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Dĩnh Cầu, Xã Tân Dĩnh, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Dĩnh Cầu, Xã Tân Dĩnh, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang